

Số: 43/NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thống nhất điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG  
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020 và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2020 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 với tổng vốn là: 134 tỷ 728 triệu 502 ngàn đồng (vốn cân đối ngân sách huyện) tăng, giảm so với kế hoạch đầu năm trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí: 87 tỷ 873 triệu đồng.

- Nguồn vốn kết dư ngân sách huyện: 13 tỷ 855 triệu 502 ngàn đồng.
- Nguồn vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019: 33 tỷ đồng.

2. Lý do xin điều chỉnh:

- Giảm vốn kết dư ngân sách huyện: 09 công trình với số tiền: 36 tỷ 144 triệu 498 ngàn đồng.
- Tăng vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019: 07 công trình với số tiền: 33 tỷ đồng.

*(Đính kèm danh mục chi tiết)*

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân huyện điều hành, kiểm tra chặt chẽ các công trình xây dựng cơ bản đã được Hội đồng nhân dân huyện nhất trí tại kỳ họp này, tất cả các danh mục dự án đã được phê duyệt phải thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công.

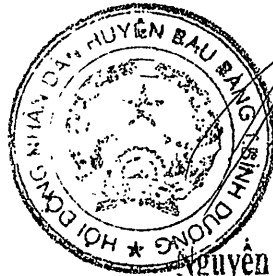
**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng khóa II, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. *tr*

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *VT*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Khiêm**



**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN  
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM (NĂM THỰC HIỆN: 2020)**

**CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG**

*Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng)*

*Đơn vị : 1.000 đồng*

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó								
			Tổng số	Vốn trong nước			Tổng số	Vốn nước ngoài			
				Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan đơn vị và cân đối NSDP	Trong đó			Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan đơn vị và cân đối NSDP	Trong đó		
					Chương trình mục tiêu Quốc gia	Chương trình mục tiêu			Chương trình mục tiêu Quốc gia	Chương trình mục tiêu	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>134,728,502</b>	<b>134,728,502</b>	<b>134,728,502</b>							
I	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư khu vực huyện Bàu Bàng</b>	<b>56,895,502</b>	<b>56,895,502</b>	<b>56,895,502</b>							
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	10,040,000	10,040,000	10,040,000							
2	Vốn ngân sách huyện	13,855,502	13,855,502	13,855,502							
3	Vốn tinh bổ sung có mục tiêu từ kết dư tính năm 2019.	33,000,000	33,000,000	33,000,000							
II	<b>Phòng Quản lý đô thị</b>	<b>77,733,000</b>	<b>77,733,000</b>	<b>77,733,000</b>							
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	77,733,000	77,733,000	77,733,000							
III	<b>Ban chỉ huy Quân sự huyện</b>	<b>100,000</b>	<b>100,000</b>	<b>100,000</b>							
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	100,000	100,000	100,000							

## DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

VỐN TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM (NĂM THỰC HIỆN: 2020)

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG



(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số: 43 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng)

Đơn vị : 1.000 đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số		Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
	<b>Tổng công (I+II+III+IV)</b>					<b>564,674,736</b>	<b>0</b>	<b>134,728,502</b>	<b>0</b>	<b>134,728,502</b>		
I	Ban Quản lý dự án đầu tư khu vực huyện Bầu Bàng					403,308,260	0	56,895,502	0	56,895,502		
I.1	<u>Vốn phân cấp theo tiêu chí</u>					123,367,544	0	10,040,000	0	10,040,000		
1	<u>TT khối lượng - chuyển tiếp</u>					23,661,534	0	8,283,971	0	8,283,971		
1.1	Xây dựng Trụ sở Công an xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2018	2335	6,177,789		3,673,959		3,673,959		
1.2	Đường dây trung hạ thế và biến áp 3,4,5 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2018	2376	1,995,000		36,065		36,065		
1.3	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2018	2392	2,635,635		923,845		923,845		
1.4	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2019	2390	2,518,242		888,473		888,473		
1.5	Trung tâm văn hóa thể thao xã Lai Hưng	LN	Nhóm C	2019	2088	3,885,868		1,800,000		1,800,000		
1.6	Xây dựng trụ sở Công an TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2018	2518	6,449,000		961,629		961,629		
2	<u>Khởi công mới</u>					99,706,010	0	1,756,029	0	1,756,029		
2.1	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	20-21				116,113		116,113		
2.2	Xây dựng nhà công vụ huyện Bầu Bàng	TTLU	Nhóm C	20-21		41.150.000		200,000		200,000		
2.3	BTNN đường Lai Uyên -45 thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21		14,921.894		200.000		200,000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số		Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
2.4	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng -20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	20-21		8,678,000		200,000		200,000		
2.5	BTNN đường ấp Muong Đào xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	20-21		13,911,116		0		0		
2.6	BTTT đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	20-21		10,139,000		889,916		889,916		
2.7	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố.	TVT	Nhóm C	20-21		3,720,000		50,000		50,000		
2.8	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21		4,686,000		50,000		50,000		
2.9	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bầu Hốt , thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21		2,500,000		50,000		50,000		
3	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>							0	0	0		
3.1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2021				0		0		
3.2	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749c	LN	Nhóm C	2021				0		0		
3.3	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021				0		0		
3.4	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2021				0		0		
3.5	Đầu tư xây mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2021				0		0		
3.6	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Sô thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2021				0		0		
3.7	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021				0		0		
3.8	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021				0		0		
3.9	Đầu tư mới lưới điện sinh hoạt khu vực ấp 1,4.xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	2021				0		0		

STT	Địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số		Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
3.10	Xây mới văn phòng ấp 1 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021				0		0		
3.11	Xây mới văn phòng ấp 5 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021				0		0		
1.2	<u>Vốn ngân sách huyện</u>				0	198,405,716	0	13,855,502	0	13,855,502		
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					0	0	0	0	0		
2	<i>TT khối lượng - chuyên tiếp</i>					94,235,105	0	13,855,502	0	13,855,502		
2.1	Xây dựng nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bàu Bàng	LH	Nhóm C		2264	10,694,000		5,327,090		5,327,090		
2.2	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyên,( GD1)	LN	Nhóm C		2496	14,305,000		155,502		155,502		
2.3	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyên,( GD2)	LN	Nhóm C		2378	14,999,000		4,798,548		4,798,548		
2.4	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyên ( GT thiết bị )	LN	Nhóm C		2394	9,242,000		1,269,005		1,269,005		
2.5	Trường Tiểu học Kim Đồng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C		2493	44,995,105		2,305,357		2,305,357		
3	<i>Khởi công mới</i>					104,170,611	0	0	0	0		
3.1	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trù Văn Thố.	TVT	Nhóm C			3,756,051		0		0		Rút về ngân sách
3.2	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đòng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C			4,703,686		0		0		Rút về ngân sách
3.3	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt , thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C			2,675,397		0		0		Rút về ngân sách
3.4	Bê tông nhựa nóng đường Lai Uyên -45 thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C			14,921,894		0		0		Rút về ngân sách
3.5	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng LH20 ( từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C			10,489,336		0		0		Rút về ngân sách
3.6	Bê tông nhựa nóng tuyến đường ấp Mương Đào xã Long Nguyên	LN	Nhóm C			13,911,116		0		0		Rút về ngân sách

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số		Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
3.7	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4( GĐ2) xã Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C			10,563,131		0		0		Rút về ngân sách
3.8	Tượng Đài huyện Bàu Bàng	TTLU	Nhóm C			2,000,000		0		0		Rút về ngân sách
3.9	Xây dựng nhà công vụ	TTLU	Nhóm C			41,150,000		0		0		Rút về ngân sách
1.3	Vốn tính bổ sung có mục tiêu từ kết dư tỉnh năm 2019					81,535,000	0	33,000,000	0	33,000,000		
4	Thực hiện dự án					81,535,000	0	33,000,000	0	33,000,000		
4.1	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4( GĐ2) xã Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C			10,139,000		4,500,000		5,000,000		
4.2	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C			4,686,000		2,000,000		3,000,000		
4.3	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt , thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C			2,500,000		1,000,000		1,500,000		
4.4	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trù Văn Thố.	TVT	Nhóm C			3,720,000		1,500,000		2,500,000		
4.5	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng ( đường Lai Hưng -20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su. xã Lai Hưng	LH	Nhóm C			8,678,000		3,500,000		4,000,000		
4.6	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	TTLU	Nhóm C			39,912,000		17,000,000		17,000,000		
4.7	Xây dựng mới Hội trường xã Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C			11,900,000		3,500,000		0		
II	Phòng Quản lý đô thị					159,366,476	0	77,733,000	0	77,733,000		
	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>					159,366,476	0	77,733,000	0	77,733,000		
1	<i>TT khối lượng - chuyển tiếp</i>					67,298,000	0	25,203,554	0	25,203,554		
1.1	Nâng cấp BTXM tuyến đường tổ 4 ấp Long Hưng (DT749a – nhà ông Tiên) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2356	2,315,000		601,210		601.210		

STT	Đánh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
1.2	Nâng cấp BTXM tuyến đường tổ 6 ấp Bung Thuộc (DT749a - nhà ông Dũng) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2351	1,606,000		426,116		426,116		
1.3	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Tho - Hai Cải, ấp Bà Phái, xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2357	3,042,000		800,000		800,000		
1.4	Nâng cấp BTXM đường tổ 6,7 ấp Bà Phái (từ nhà ông Tưu đến nhà ông 8 Có), xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2358	3,616,000		1,298,725		1,298,725		
1.5	Nâng cấp BTXM đường tổ 6, ấp Hồ Muôn (gồm 02 nhánh), xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2344	2,930,000		1,169,991		1,169,991		
1.6	Nâng cấp BTNN đường Bến Gò Mã, ấp Sa Thêm (nhà ông Đức - nhà ông Ba Rua), xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2350	1,923,000		125,927		125,927		
1.7	Nâng cấp sỏi đỏ đường liên ấp 5 Ông 5 Ngân xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		2343	2,523,000		1,200,000		1,200,000		
1.8	Nâng cấp BTNN đường từ Bà Nhu - Bà Nho Ấp Bến Tượng xã Lai Hưng.	LH	Nhóm C		2345	4,369,000		1,970,619		1,970,619		
1.9	Nâng cấp BTNN đường từ nhà anh Hoàng - giáp đường đất ấp Bến Tượng xã Lai Hưng,	LH	Nhóm C		2346	5,337,000		2,313,318		2,313,318		
1.10	Nâng cấp BTNN đường nhà bà Vui - Cô Hoài, ấp Bến Tượng xã Lai Hưng,	LH	Nhóm C		2347	3,825,000		1,467,266		1,467,266		
1.11	Nâng cấp BTXM đường tổ 6 khu phố Bàu Lòng TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2352	1,883,000		706,201		706,201		
1.12	Nâng cấp BTXM đường tổ 7 Khu phố Bến Lớn TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2359	3,793,000		985,000		985,000		
1.13	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bến Lớn - Đồng Chèo (tuyến Bàu Cà Thung) TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2348	4,977,000		2,223,320		2,223,320		
1.14	Nâng cấp BTXM đường liên tổ ấp 4,5 khu phố Bến Lớn TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2331	4,962,000		2,145,000		2,145,000		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
1.15	Nâng cấp BTXM đường tổ 10 khu phố Bàu Lòng TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2330	4,592,000		1,845,000		1,845,000		
1.16	Nâng cấp bê tông xi măng tuyến đường ông Tín - ông Cường, xã Cây Trường II.	CT	Nhóm C		2335	2,934,000		1,200,000		1,200,000		
1.17	Nâng cấp BTXM đường ông Nghĩa – ông Hiệp, xã Cây Trường II.	CT	Nhóm C		2334	1,219,000		411,760		411,760		
1.18	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn – ông Thư, xã Cây Trường II.	CT	Nhóm C		2333	1,985,000		857,517		857,517		
1.19	Nâng cấp BTXM đường ông Cầu - ông Ninh, xã Cây Trường II.	CT	Nhóm C		2387	2,435,000		1.193,147		1,193,147		
1.20	Nâng cấp BTNN tuyến đường ông Hưng - lô cao su, ấp 3, xã Hưng Hòa.	HH	Nhóm C		2354	1,186,000		400,000		400,000		
1.21	Nâng cấp BTXM tuyến đường ông Còn - ông Tâm, ấp 4, xã Hưng Hòa.	HH	Nhóm C		2332	1,681,000		534,069		534,069		
1.22	Nâng cấp, mở rộng Văn phòng ấp 3 xã Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C		2349	1,215,000		109,085		109,085		
1.23	Nâng cấp BTXM Tuyến đường Vành Khuyên, xã Trù Văn Thố.	TVT	Nhóm C		2353	2,950,000		1,220,283		1,220,283		
2	<b>Khởi công mới</b>					<b>92,068,476</b>	<b>0</b>	<b>52,079,446</b>	<b>0</b>	<b>52,079,446</b>		
2.1	Nâng cấp BTNN đường GTNT ấp Bến Sắn (gồm 02 nhánh) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		1483	6,697,275		3.300.000		3,300,000		
2.2	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Bung Thuộc (DT749a – trại heo An Tâm) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		1496	8,319,752		5.000.000		5,000,000		
2.3	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bung Thuộc – Bến Sắn xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		1497	3,596,120		2.000.000		2,000,000		

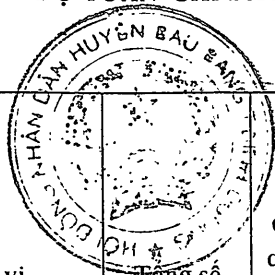
STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
2.4	Nâng cấp BTNN đường từ ngã ba đường đất - ông bà Ton áp Bến Trùng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C		1489	4,034,642		2,000,000		2,000,000		
2.5	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ đông QL13 đi ĐT750 xã Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C		1484	9,139,305		6,000,000		6,000,000		
2.6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ đường ĐH 618 - nhà nghỉ Hương Quê, TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1603	9,644,919		6.000,000		6,000,000		
2.7	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường tổ 8, Khu phố Cây Sắn TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1604	5,053,000		2,500,000		2,500,000		
2.8	Nâng cấp BTNN đường ông Xoa – Bà Khứu, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		1486	1,485,491		800,000		800,000		
2.9	Nâng cấp BTNN đường Ông Cương - Ông Thương, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		1485	1,491,689		800,000		800,000		
2.10	Nâng cấp BTNN đường cầu sắt – Trại heo, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		1488	6,160,410		3.433,000		3,433,000		
2.11	Nâng cấp BTNN đường ông Nga – ông Quang, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		1487	1,161,071		700,000		700,000		
2.12	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Quy – Bà Đào xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C		1493	1,985,268		1.000,000		1,000,000		
2.13	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Luận- Bà The xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C		1494	2,394,017		1.100,000		1,100,000		
2.14	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Tiến- Ông Tạo xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C		1495	2,323,238		1.100,000		1,100,000		
2.15	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1 (từ nhà bà Xuân - nhà ông Quý) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		1490	5,657,424		3.700,000		3,700,000		
2.16	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 5 (từ nhà ông Xê - ông Lang) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		1491	6,557,541		3.200,000		3,200,000		
2.17	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 4 (từ nhà ông Thuận - xóm Tiền Giang) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		1492	6,784,904		4.496.446		4,496,446		
2.18	Nâng cấp BTXM đường nhà ông 6 Bảo - nhà ông Minh cựu chiến binh khu phố Cây sắn. Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1602	5,436,666		2.500,000		2,500,000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước		Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước (năm 2020)		Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số		Trong đó NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW					
2.19	Nâng cấp BTXM đường từ Quốc lộ 13 đến nhà bà Nguyễn Thị Thắm khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1601	1,337,373		750,000		750,000		
2.20	Nâng cấp BTXM đường từ nhà ông Lê Cừu đến nhà ông Đỗ Văn Liêm, khu phố Bàu Bàng, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1605	1,608,371		1,000,000		1,000,000		
2.21	Nâng cấp BTXM đường ông Nam và Bà Sự xã Cây Trường II	CT	Nhóm C			1,200,000		700,000		700,000		
3	<b>Chuẩn bị đầu tư:</b>					0	0	450,000	0	450,000		
3.1	Nâng cấp BTNN đường Nhà bà 9 Lừa, xã Lai Hưng,	LH	Nhóm C					50,000		50,000		
3.2	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐH 620 (đoạn từ ngã 3 Bến tượng giáp QL13 - Cầu Bến tượng	LH	Nhóm C					50,000		50,000		
3.3	Nâng cấp sỏi đỏ đường trại bò Ông Đệ - ĐH614, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C					50,000		50,000		
3.4	Nâng cấp BTNN đường từ nhà Ông Cừ - Bà Lê xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					50,000		50,000		
3.5	Nâng cấp BTNN đường tổ 1A ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					50,000		50,000		
3.6	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - bà Tiêu ấp 3 (Đường số 81) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C					50,000		50,000		
3.7	Nâng cấp BTNN đường nhà máy nước đến đường liên ấp 1-4 Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C					50,000		50,000		
3.8	Nâng cấp BTNN đường Xóm Tiền Giang (thị trấn Lai Uyên -73)	TTLU	Nhóm C					50,000		50,000		
3.9	Nâng cấp BTNN đường trại heo Ông Hoàng đến Trường THCS Trù Văn Thố	TVT	Nhóm C					50,000		50,000		
III	BCH quân sự huyện					2,000,000	0	100,000	0	100,000		
1	<i>Khởi công mới</i>					2,000,000	0	100,000	0	100,000	0	
1.1	Nhà Bắn áo Ban chỉ huy quân sự huyện	TTLU	Nhóm C			2,000,000		100,000		100,000		

## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 19 /11 /2020 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng



ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi khác			
A	B	1=(2+...11)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	134,728.502	8,528,412	0	100,000	4,575,504	0	2,050,000	0	0	0	0	94,909,980	0	0	19,237,516	0	5,327,090
I	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87,873.000	0	0	100,000	4,575,504	0	2,050,000	0	0	0	0	78,909,980	0	0	2,237,516	0	0
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	10,040.000				4,575.504		2.050.000					1,286,065			2,128,431		
2	Phòng Quản lý đô thị	77,733.000											77.623,915			109,085		
3	Ban chỉ huy Quân sự huyện	100.000			100,000													
II	Nguồn kết dư ngân sách huyện	13,855.502	8,528,412	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,327,090
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	13,855.502	8,528,412															5,327,090
III	Vốn tinh bổ sung có mục tiêu từ kết dư tính năm 2019	33,000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000,000	0	0	17,000,000	0	0
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	33,000.000	0										16,000,000			17,000,000		0

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
VỐN TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM ( THỰC HIỆN NĂM: 2020)**

**CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 1 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng)*



Đơn vị : ngàn đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020			Ghi chú				
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				Tổng số	Chia theo nguồn		
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước	Ngân sách TW		Ngoài nước	Ngân sách TW	Trong đó NSTW									
														.....	.....	.....					
<b>Tổng cộng(I+II+III+IV)</b>					<b>567,139,337</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>134,728,502</b>						
1	Ban Quản lý dự án đầu tư khu vực huyện Bầu Bàng				405,772,861	0	0	0	0	0	0	0	0	0	56,895,502						
1.1	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>				125,832,145	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,040,000						
1	<i>TT khối lượng - chuyển tiếp</i>				23,661,534	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,283,971						
1 1	Xây dựng 1 ru sở Công an xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	2335	6,177,789										3,673,959						
1 2	Đường dây trung hạ thế và biến áp 3,4,5 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2376	1,995,000										36,065						
1 3	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2392	2,635,635										923,845						
1 4	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2390	2,518,242										888,473						
1 5	Trung tâm văn hóa thể thao xã Lai Hưng	LN	Nhóm C	2088	3,885,868										1,800,000						
1 6	Xây dựng trụ sở Công an TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2518	6,449,000										961,629						
2	<i>Khởi công mới</i>				102,170,611	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,756,029						
2 1	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	20-21											116,113						
2 2	Xây dựng nhà công vụ huyện Bầu Bàng	TTLU	Nhóm C	20-21											200,000						
2 3	BTNN đường Lai Uyên -45 thi trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21											200,000						
2 4	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bên Tương (đường Lai Hưng - 20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bên Tương đến ngã 3 giáp đường làng nưa Viên nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	20-21											200,000						
2 5	BTNN đường ấp Mương Đào xã Long Nguyên	LN	Nhóm C	20-21											0						
2 6	BTTT đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	20-21											889,916						
2 7	Đường dây trung hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C	20-21											50,000						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Trong đó NSTW		.....
28	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21		4,703,686										50,000						
29	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	20-21		2,675,397										50,000						
3	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>															0						
31	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyễn	LN	Nhóm C	2021												0						
32	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên ĐT- 749c	LN	Nhóm C	2021												0						
33	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C	2021												0						
34	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Cây Trường II	CT	Nhóm C	2021												0						
35	Đầu tư xây mới, mở rộng lưới điện một số khu vực trên địa bàn thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2021												0						
36	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Sở thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C	2021												0						
37	Xây dựng mới văn phòng ấp 2 xã Trư Văn Thô	TVT	Nhóm C	2021												0						
38	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Trư Văn Thô	TVT	Nhóm C	2021												0						
39	Đầu tư mới: lưới điện sinh hoạt khu vực ấp 1-4 xã Trư Văn Thô	TVT	Nhóm C	2021												0						
310	Xây mới văn phòng ấp 1 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021												0						
311	Xây mới văn phòng ấp 5 xã Tân Hưng	TH	Nhóm C	2021												0						
1.2	<b><u>Vốn ngân sách huyện</u></b>					198,405,716	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13,855,502						
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
2	<i>TT khối lượng - chuyên tiếp</i>					94,235,105	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13,855,502						
21	Xây dựng nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bàu Bàng	LH	Nhóm C	2264		10,694,000										5,327,090						
22	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyễn.( GD1)	LN	Nhóm C	2496		14,305,000										155,502						
23	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyễn.( GD2)	LN	Nhóm C	2378		14,999,000										4,798,548						
24	Trường mầm non Sao Mai xã Long Nguyễn ( G1 thiết bị)	LN	Nhóm C	2394		9,242,000										1,269,005						
25	Trường Tiểu học Kim Đồng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C	2493		44,995,105										2,305,357						
3	<i>Khởi công mới</i>					104,170,611	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Ghi chú				
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				Tổng số	Chia theo nguồn		
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước	Ngân sách TW			Ngoài nước	Ngân sách TW	Ngoài nước		Ngân sách TW	Trong đó NSTW						
																	.....			.....	.....	.....
2.17	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 4 (từ nhà ông Thuận xóm Tiên Giang) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		1492	6,784,904									4,496,446							
2.18	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Bảo - nhà ông Minh cựu chiến binh khu phố Cây sắn, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1502	5,436,666									2,500,000							
2.19	Nâng cấp BTXM đường từ Quốc lộ 13 đến nhà bà Nguyễn Thị Thắm khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1601	1,337,373									750,000							
2.20	Nâng cấp BTXM đường từ nhà ông Lê Cửu đến nhà ông Đỗ Văn Liêm, khu phố Bầu Bàng, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1605	1,608,371									1,000,000							
2.21	Nâng cấp BTXM đường ông Nam và Bà Sư xã Cây Trường II	CT	Nhóm C			1,200,000									700,000							
3	<b>Chuẩn bị đầu tư:</b>														450,000							
3.1	Nâng cấp BTNN đường Nhà bà 9 Lửa, xã Lai Hưng.	LH	Nhóm C												50,000							
3.2	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐH 620 (đoạn từ ngã 3 Bến tương - ấp QL13 - Cầu Bến tương	LH	Nhóm C												50,000							
3.3	Nâng cấp soi đò đường trại bò Ông Đê - ĐH614, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C												50,000							
3.4	Nâng cấp BTNN đường từ nhà Ông Cừ - Bà Lê xã Lai Hưng	LH	Nhóm C												50,000							
3.5	Nâng cấp BTNN đường tổ 1A ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	Nhóm C												50,000							
3.6	Nâng cấp BTXM đường ông Thọ - bà Tiểu ấp 3 (Đường số 81) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C												50,000							
3.7	Nâng cấp BTNN đường nhà máy nước đến đường liên ấp 1-4 Trư Văn Hộ	TVT	Nhóm C												50,000							
3.8	Nâng cấp BTNN đường Xóm Tiên Giang (thị trấn Lai Uyên -73)	TTLU	Nhóm C												50,000							
3.9	Nâng cấp BTNN đường trại heo Ông Hoàng đến Trường THCS Trư Văn Hộ	TVT	Nhóm C												50,000							
III	<b>BCH quân sự huyện</b>					2,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	100,000							
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>														0							
2	<i>TT khối lượng - chuyển tiếp</i>					2,000,000									100,000							
2.1	Nhà Bần áo Ban chỉ huy quân sự huyện	TTLU	Nhóm C			2,000,000									100,000							

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Ghi chú							
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				Tổng số	Chia theo nguồn					
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Tổng mức đầu tư				Ngoài nước	Ngân sách TW	.....		Ngoài nước	Ngân sách TW	.....			Ngoài nước	Ngân sách TW	.....	Ngoài nước	Trong đó NSTW	.....
							Ngoài nước	Ngân sách TW																	
3.1	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực áp 1,4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,756,051									0								
3.2	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đông chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C					4,703,686									0								
3.3	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C					2,675,397									0								
3.4	Bê tông nhựa nóng đường Lai Uyên -45 thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C					14,921,894									0								
3.5	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng LH20 (từ ngã 3 văn phòng áp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viên nghiên cư cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					10,489,336									0								
3.6	Bê tông nhựa nóng tuyến đường áp Mường Đào xã Long Nguyên	LN	Nhóm C					13,911,116									0								
3.7	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					10,563,131									0								
3.8	Tương Đài huyện Bàu Bàng	TTLU	Nhóm C					2,000,000									0								
3.9	Xây dựng nhà công vụ	TTLU	Nhóm C					41,150,000									0								
1.3	Vốn tình bổ sung có mục tiêu từ kết dư tính năm 2019							81,535,000									33,000,000								
4	Thực hiện dự án							81,535,000									33,000,000								
4.1	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4 (GD2) xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					10,139,000									5,000,000								
4.2	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đông chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C					4,686,000									3,000,000								
4.3	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C					2,500,000									1,500,000								
4.4	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực áp 1,4 xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					3,720,000									2,500,000								
4.5	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng -20 đoạn từ ngã 3 văn phòng áp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viên nghiên cư cao su, xã Lai Hưng	LH	Nhóm C					8,678,000									4,000,000								
4.6	Xây dựng nhà công vụ huyện Bàu Bàng	TTLU	Nhóm C					39,912,000									17,000,000								
4.7	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	Nhóm C					11,900,000									0								
	<b>Vốn phân cấp theo tiêu chí</b>							159,366,476	0	0	0	0	0	0	0	0	77,733,000								



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Ghi chú		
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước		Trong đó NSTW	.....
1	<b>TT khối lượng - chuyển tiếp</b>					67,298,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25,203,554				
1.1	Nâng cấp BTXM tuyến đường tổ 4 ấp Long Hưng (DT749a - nhà ông Tiên) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2356	2,315.000												601,210				
1.2	Nâng cấp BTXM tuyến đường tổ 6 ấp Bung Thuộc (DT749a - nhà ông Dũng) xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2351	1,606,000												426,116				
1.3	Nâng cấp BTXM đường nhà ông Thơ - Hai Cái, ấp Bà Phái, xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2357	3.042.000												800.000				
1.4	Nâng cấp BTXM đường tổ 6.7 ấp Bà Phái (từ nhà ông Tữu đến nhà ông 8 Có), xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2358	3.616.000												1.298.725				
1.5	Nâng cấp BTXM đường tổ 6, ấp Hồ Muôn (gồm 02 nhánh), xã Long Nguyên	LN	Nhóm C		2344	2.930.000												1.169.991				
1.6	Nâng cấp BTNN đường Bến Gò Mã, ấp Sa Thềm (nhà ông Đức - nhà ông Ba Rùa), xã Long Nguyên,	LN	Nhóm C		2350	1.923.000												125.927				
1.7	Nâng cấp sới dò đường liên ấp 5 Ông 5 Ngăn xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		2343	2.523.000												1.200.000				
1.8	Nâng cấp BTNN đường từ Bà Nhu - Bà Nho Ấp Bến Tượng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C		2345	4.369.000												1.970.619				
1.9	Nâng cấp BTNN đường từ nhà anh Hoàng - giáp đường đất ấp Bến Tượng xã Lai Hưng	LH	Nhóm C		2346	5.337.000												2.313.318				
1.10	Nâng cấp BTNN đường nhà bà Vui - Cô Hoà, ấp Bến Tượng xã Lai Hưng,	LH	Nhóm C		2347	3.825.000												1.467.266				
1.11	Nâng cấp BTXM đường tổ 6 khu phố Bàu Lông TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2352	1.883.000												706.201				
1.12	Nâng cấp BTXM đường tổ 7 Khu phố Bến Lớn TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2359	3.793.000												985.000				
1.13	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bến Lớn - Đồng Chèo (tuyến Bàu Cà Thung) TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2348	4.977.000												2.223.320				
1.14	Nâng cấp BTXM đường liên tổ ấp 4.5 khu phố Bến Lớn TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2331	4.962.000												2.145.000				
1.15	Nâng cấp BTXM đường tổ 10 khu phố Bàu Lông TT Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		2330	4.592.000												1.845.000				
1.16	Nâng cấp hệ thống xi măng tuyến đường ông Tín - ông Công xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		2335	2.934.000												1.200.000				
1.17	Nâng cấp BTXM đường ông Nghĩa - ông Hiệp, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		2334	1.219.000												411.760				
1.18	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Thư, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C		2333	1.985.000												857.517				
1.19	Nâng cấp BTXM đường ông Cầu - ông Ninh, xã Cây Trường II	CT			2387	2.435.000												1.193.147				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2019			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020			Ghi chú				
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn					
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước			Ngân sách TW	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....		Tổng số	Ngoài nước	Trong đó NSTW	.....
120	Nâng cấp BTNN tuyến đường ông Hùng xã Hưng Hòa	Hố cao su, ấp 3	HH	Nhóm C	2354	1,186,000													
121	Nâng cấp BTXM tuyến đường ông Côn xã Hưng Hòa	ông Cẩm, ấp 4	HH	Nhóm C	2332	1,681,000													
122	Nâng cấp, mở rộng Văn phòng ấp 3 xã Trừ Văn Thố		TVT	Nhóm C	2349	1,215,000													
123	Nâng cấp BTXM Tuyến đường Vành Khuyên, xã Trừ Văn Thố		TVT	Nhóm C	2353	2,950,000													
2	<b>Khởi công mới</b>					92,068,476	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Nâng cấp BTNN đường GTNT ấp Bến Sắn (gồm 02 nhánh) xã Long Nguyên		LN	Nhóm C	1483	6,697,275													
22	Nâng cấp BTNN đường tổ 4 ấp Bung Thuộc (DT749a - trại heo An Tâm) xã Long Nguyên		LN	Nhóm C	1496	8,319,752													
23	Nâng cấp BTNN đường liên ấp Bung Thuộc - Bến Sắn xã Long Nguyên		LN	Nhóm C	1497	3,596,120													
24	Nâng cấp BTNN đường từ ngã ba đường đất - ông bà Tôn ấp Bên Tương xã Lai Hưng		LH	Nhóm C	1489	4,034,642													
25	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ đòng QL13 đi DT750 xã Trừ Văn Thố		TVT	Nhóm C	1484	9,139,305													
26	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường từ đòng ĐH 618 - nhà nghỉ Hương Quê, TT Lai Uyên		TTLU	Nhóm C	1603	9,644,919													
27	Nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường tổ 8. Khu phố Cây Sắn TT Lai Uyên		TTLU	Nhóm C	1604	5,053,000													
28	Nâng cấp BTNN đường ông Xoa - Ba Khưu, xã Cây Trường II		CT	Nhóm C	1486	1,485,491													
29	Nâng cấp BTNN đường Ông Cương - Ông Thương, xã Cây Trường II		CT	Nhóm C	1485	1,491,689													
210	Nâng cấp BTNN đường cầu sắt - Trại heo, xã Cây Trường II		CT	Nhóm C	1488	6,160,410													
211	Nâng cấp BTNN đường ông Nga - ông Quang, xã Cây Trường II		CT	Nhóm C	1487	1,161,071													
212	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Quy - Bà Đào xã Hưng Hòa		HH	Nhóm C	1493	1,985,268													
213	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Luân - Bà The xã Hưng Hòa		HH	Nhóm C	1494	2,394,017													
214	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Ông Tiên - Ông Tao xã Hưng Hòa		HH	Nhóm C	1495	2,323,238													
215	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 1 (từ nhà ba Xuân - nhà ông Quy) xã Tân Hưng		TH	Nhóm C	1490	5,657,424													
216	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 5 (từ nhà ông Xê - ông Lang) xã Tân Hưng		TH	Nhóm C	1491	6,557,541													

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2018				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2020				Ghi chú	
					Số QĐ ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Chia theo nguồn				
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Ngân sách TW		.....	Ngoài nước	Trong đó NSTW		.....
2 17	Nâng cấp BTNN đường liên ấp 4 (từ nhà ông Thuận - xóm Tiền Giang) xã Tân Hưng	TH	Nhóm C		1492	6,784,904											4,496,446					
2 18	Nâng cấp BTXM đường nhà ông 6 Bảo - nhà ông Minh cư chiến binh khu phố Cây sắn, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1602	5,436,666												2,500,000				
2 19	Nâng cấp BTXM đường từ Quốc lộ 13 đến nhà bà Nguyễn Thị Thắm khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1601	1,337,373												750,000				
2 20	Nâng cấp BTXM đường từ nhà ông Lê Cửu đến nhà ông Đỗ Văn Liêm, khu phố Bàu Bàng, Thị trấn Lai Uyên	TTLU	Nhóm C		1605	1,608,371												1,000,000				
2 21	Nâng cấp BTXM đường ông Nam và Bà Sư xã Cây Trường II	CT	Nhóm C			1,200,000												700,000				
3	Chuẩn bị đầu tư:																	450,000				
3 1	Nâng cấp BTNN đường Nhà bà 9 Lúa, xã Lai Hưng.	LH	Nhóm C															50,000				
3 2	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐH 620 (đoạn từ ngã 3 Bến tương giáp QL13 - Cầu Bến tương	LH	Nhóm C															50,000				
3 3	Nâng cấp sồi đỏ đường trại bò Ông Đề - ĐH614, xã Cây Trường II	CT	Nhóm C															50,000				
3 4	Nâng cấp BTNN đường từ nhà Ông Cừ - Bà Lê xã Lai Hưng	LH	Nhóm C															50,000				
3 5	Nâng cấp BTNN đường tổ 1A ấp Suối Tre xã Long Nguyên	LN	Nhóm C															50,000				
3 6	Nâng cấp BTXM đường ông Tho - bà Tiêu ấp 3 (Đường số 81) xã Hưng Hòa	HH	Nhóm C															50,000				
3 7	Nâng cấp BTNN đường nhà máy nước đến đường liên ấp 1-4 Trư Văn Thô	TVT	Nhóm C															50,000				
3 8	Nâng cấp BTNN đường Xóm Tiền Giang (thị trấn Lai Uyên -73)	TTLU	Nhóm C															50,000				
3 9	Nâng cấp BTNN đường trại heo Ông Hoàng đến Trường THCS Trư Văn Thô	TVT	Nhóm C															50,000				
III	<b>BCH quân sự huyện</b>					2,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100,000				
1	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>																	0				
2	<i>TT khối lượng - chuyển tiếp</i>					2,000,000												100,000				
2 1	Nha Bần áo Ban chỉ huy quân sự huyện	TTLU	Nhóm C			2,000,000												100,000				